

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao tài sản nhà nước cho Bệnh viện phục hồi chức năng
quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; Nghị định số 04/2016/NĐ-CP ngày 06/01/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ; Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 162/TT-BTC ngày 06/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 23/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 2551/STC-QLCSG ngày 22/9/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao tài sản nhà nước cho Bệnh viện phục hồi chức năng quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp, cụ thể như sau:

Tổng giá trị tài sản nhà nước giao cho đơn vị là 15.056.966.058 đồng (*Mười lăm tỷ, không trăm năm mươi sáu triệu, chín trăm sáu mươi sáu nghìn, không trăm năm mươi tám đồng*), trong đó:

- Giá trị tài sản là đất: 11.995.183.530 đồng;
- Giá trị tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc: 532.551.778 đồng;
- Giá trị tài sản phương tiện vận tải: 0 đồng;
- Giá trị tài sản máy móc, thiết bị và tài sản khác: 2.529.230.750 đồng.

(Có danh mục tài sản nhà nước giao cho đơn vị kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Bệnh viện phục hồi chức năng có trách nhiệm bảo toàn, phát triển vốn, tài sản nhà nước được giao; thực hiện quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Các Giám đốc Sở: Y tế, Tài chính; Giám đốc Bệnh viện phục hồi chức năng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP UBND tỉnh (KT);
- Lưu: VT, KT5 *thh*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature in blue ink]
Lê Ngọc Tuấn

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP GIAO CHO BỆNH VIỆN PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

(Kèm theo Quyết định số 1024/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2017 của UBND tỉnh)

Tên đơn vị được giao tài sản: Bệnh viện Phục hồi chức năng

Địa chỉ: 473 Nguyễn Huệ, Phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

I. Về đất:

a) Diện tích khuôn viên đất: 8.595,9 m².

b) Giá trị quyền sử dụng đất để đưa vào tính giá trị giao cho đơn vị quản lý: 11.995.183.530 đồng

II. Về nhà:

STT	Tài sản	Số lượng	Cấp hạng	Năm xây dựng	Ngày, tháng, năm sử dụng	Giá trị theo sổ sách kế toán (đồng)			Số tầng	DT xây dựng (m2)	Tổng DT sàn xây dựng (m2)	Hiện trạng sử dụng (m2)						Giá trị tài sản đề nghị giao cho đơn vị (đồng)	
						Nguyên giá		Giá trị còn lại				Trụ sở làm việc	Cơ sở HDSN	Sử dụng khác					
						Nguồn ngân sách	Nguồn khác							Làm nhà ở	Cho thuê	Bò trống	Bị lấn chiếm		Khác
I	Nhà cửa	3				1.012.433.000		532.551.778		916	916		916						532.551.778
1	Nhà làm việc - Khu hành chính	1	III	2007	2007	469.505.000		162.730.432	2	800	800		800						162.730.432
2	Khu nhà bếp - Khoa dinh dưỡng	1	III	2008	2008	167.666.000		69.011.326	1	70	70		70						69.011.326
3	Phòng chụp X- Quang	1		2014	2014	375.262.000		300.810.020	1	46	46		46						300.810.020

Qu

PHỤ LỤC 2

**DANH MỤC TÀI SẢN LÀ PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ VÀ
TÀI SẢN KHÁC GIAO CHO BỆNH VIỆN PHỤC HỒI CHỨC NĂNG**

(Kèm theo Quyết định số 1024/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2017 của UBND tỉnh)

STT	Tài sản	Số lượng	Biên kiểm soát	Số chỗ ngồi/tài trọng	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Ngày, tháng năm sử dụng	Giá trị theo sổ sách kế toán (đồng)			Hiện trạng sử dụng (cái, chiếc)			Giá trị tài sản đề nghị giao cho đơn vị (đồng)
									Nguyên giá		Giá trị còn lại	HĐ sự nghiệp		HĐ khác	
									Nguồn ngân sách cấp	Nguồn khác		Kinh doanh	Không KD		
I	Trang thiết bị	63							3.664.450.000		2.529.230.750				2.529.230.750
1	Máy li tâm 12 ống nghiệm -5ml	1			MXQ75	2011	2011	2011	112.950.000		28.237.500		X		28.237.500
2	Tủ âm GI7-2	1			MXQ77	2011	2011	2011	112.750.000		28.187.500		X		28.187.500
3	Tủ sấy CE3G-2	1			MXQ81	2011	2011	2011	99.200.000		24.800.000		X		24.800.000
4	Máy chụp X- quang thường quy 400Am	1			MXQ96	2013	2013	2013	748.965.000		374.482.500		X		374.482.500
5	Máy tập gấp duỗi khớp gối PHCN (CPM)	1			MS 00018	2014	2014	2014	18.000.000		11.250.000		X		11.250.000
6	Ghế tập cơ đùi loại lớn (91x107x102)	1			MS 00019	2014	2014	2014	18.400.000		11.500.000		X		11.500.000
7	Ti Vi LG 32In	1			MXQ23	2014	2014	2014	7.600.000		2.500.000		X		2.500.000
8	Tủ đựng máy âm thanh chuyên dụng	1			MXQ26	2014	2014	2014	5.700.000		3.562.500		X		3.562.500
9	Máy phân tích huyết học 19 thông số Cellta	1			MS 00010	2015	2015	2015	331.500.000		248.625.000		X		248.625.000
10	Máy phân tích nước tiểu 11 thông số	1			MS 00011	2015	2015	2015	31.500.000		23.625.000		X		23.625.000
11	THIẾT BỊ PHÒNG X-QUANG (gồm 24 mục)	1			MS 00012	2015	2015	2015	296.500.000		222.375.000		X		222.375.000
12	Máy điện tim 6 Cần	1			MS 00024	2015	2015	2015	33.600.000		25.200.000		X		25.200.000

ĐV

STT	Tài sản	Số lượng	Biên kiểm soát	Số chỗ ngồi/tài trọng	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Ngày, tháng năm sử dụng	Giá trị theo sổ sách kế toán (đồng)			Hiện trạng sử dụng (cái, chiếc)			Giá trị tài sản đề nghị giao cho đơn vị (đồng)
									Nguyên giá		Giá trị còn lại	HĐ sự nghiệp		HĐ khác	
									Nguồn ngân sách cấp	Nguồn khác		Kinh doanh	Không KD		
13	Tủ sấy điện 350 độ C	1			MS 00025	2015	2015	2015	15.600.000		11.700.000		X		11.700.000
14	Nồi hấp tiệt trùng 16 lít	1			MS 00026	2015	2015	2015	16.900.000		12.675.000		X		12.675.000
15	Máy tạo O xy cá nhân	1			MS 00027	2015	2015	2015	11.880.000		8.910.000		X		8.910.000
16	MÁY SIÊU ÂM DOPPLER MÀU 4 CHIỀU	1			MS 00030	2016	2016	2016	675.800.000		591.325.000		X		591.325.000
17	Tivi Asanzo 32"	1			MS 00035	2016	2016	2016	5.850.000		4.680.000		X		4.680.000
18	Máy từ trường điều trị	1			MS 00039	2017	2017	2017	375.000.000		375.000.000		X		375.000.000
19	Máy trị liệu bằng sóng siêu âm kết hợp điện trị liệu đa năng	1			MS 00040	2017	2017	2017	127.000.000		127.000.000		X		127.000.000
20	MÁY SẮC THUỐC BÁC INOX 16 ÁM	1			MS 00041	2017	2017	2017	74.300.000		74.300.000		X		74.300.000
21	THIẾT BỊ NẤU PARAFFIN	1			MS 00042	2017	2017	2017	60.000.000		60.000.000		X		60.000.000
22	THIẾT BỊ ĐI BỘ TRÊN KHÔNG	1			MS 00043	2017	2017	2017	11.181.000		11.181.000		X		11.181.000
23	THIẾT BỊ TẬP XOAY EO	1			MS 00044	2017	2017	2017	15.396.000		15.396.000		X		15.396.000
24	THIẾT BỊ TẬP TOÀN THÂN	1			MS 00045	2017	2017	2017	9.294.000		9.294.000		X		9.294.000
25	THIẾT BỊ TẬP TAY, VAI	1			MS 00046	2017	2017	2017	10.544.000		10.544.000		X		10.544.000
26	Máy Scan HP 5000S2	1			MXQ60	2013	2013	2013	21.600.000		8.640.000		X		8.640.000
27	Máy photocopy TOSHIBA 723	1			TS000002	2014	2014	2014	39.700.000		24.812.500		X		24.812.500
28	Máy in phun màu Epson T60	1			MS 00034	2016	2016	2016	6.500.000		5.200.000		X		5.200.000
29	Máy tính để bàn CMS	1			MXQ40	2013	2013	2013	15.670.000		3.134.000		X		3.134.000
30	Máy vi tính để bàn CMS	1			MXQ53	2013	2013	2013	15.670.000		3.134.000		X		3.134.000

STT	Tài sản	Số lượng	Biên kiểm soát	Số chỗ ngồi/tài trọng	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Ngày, tháng năm sử dụng	Giá trị theo sổ sách kế toán (đồng)			Hiện trạng sử dụng (cái, chiếc)			Giá trị tài sản đề nghị giao cho đơn vị (đồng)
									Nguyên giá		Giá trị còn lại	HD sự nghiệp		HD khác	
									Nguồn ngân sách cấp	Nguồn khác		Kinh doanh	Không KD		
31	Máy vi tính để bàn CMS	1			MXQ63	2013	2013	2013	15.670.000		3.134.000		X		3.134.000
32	Máy vi tính để bàn CMS	1			MXQ64	2013	2013	2013	15.670.000		3.134.000		X		3.134.000
33	Máy vi tính để bàn CMS	1			MXQ83	2013	2013	2013	15.670.000		3.134.000		X		3.134.000
34	Máy vi tính để bàn CMS	1			MXQ85	2013	2013	2013	15.670.000		3.134.000		X		3.134.000
35	Máy vi tính để bàn CMS	1			MXQ87	2013	2013	2013	15.670.000		3.134.000		X		3.134.000
36	Máy vi tính để bàn CMS	1			MXQ90	2013	2013	2013	15.670.000		3.134.000		X		3.134.000
37	Máy vi tính bộ HP Core-i5	1			MXQ17	2014	2014	2014	16.000.000		6.400.000		X		6.400.000
38	Máy vi tính bộ HP Core-i3	1			MXQ18	2014	2014	2014	13.900.000		5.560.000		X		5.560.000
39	Máy vi tính bộ HP Core-i3	1			MXQ19	2014	2014	2014	13.900.000		5.560.000		X		5.560.000
40	Máy tính để bàn HP Core i7-406G1	1			MS 00021	2015	2015	2015	18.800.000		11.280.000		X		11.280.000
41	Máy tính bộ Bộ vi xử lý i3 2120 (Duo Core 3.2G/ 3M/ 1155)	1			MS 00022	2015	2015	2015	10.250.000		6.150.000		X		6.150.000
42	Máy vi tính để bàn SamSum CPU CoreI3	1			MS 00028	2015	2015	2015	8.750.000		5.250.000		X		5.250.000
43	Bộ máy vi tính bàn HP In tel Core i3-1320	1			MS 00031	2016	2016	2016	8.000.000		6.400.000		X		6.400.000
44	Kệ gỗ để thuốc đông y (3,3m x 2m)	1			MXQ93	2010	2010	2010	7.800.000		975.000		X		975.000
45	Kệ gỗ để thuốc đông Y (2,4m x 2m)	1			MXQ94	2010	2010	2010	6.200.000		775.000		X		775.000
46	Bàn làm việc Hoà Phát	1			MC2014	2013	2013	2013	5.800.000		2.900.000		X		2.900.000
47	Gia kệ đựng thuốc (3,8m x 0,6 x 2,1m)	1			MXQ21	2014	2014	2014	8.170.000		4.607.500		X		4.607.500
48	Gải kệ đựng thuốc (2,8m x 0,6 x 2,1m)	1			MXQ22	2014	2014	2014	6.020.000		3.395.000		X		3.395.000

STT	Tài sản	Số lượng	Biển kiểm soát	Số chỗ ngồi/tài trọng	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Ngày, tháng năm sử dụng	Giá trị theo sổ sách kế toán (đồng)			Hiện trạng sử dụng (cái, chiếc)			Giá trị tài sản đề nghị giao cho đơn vị (đồng)
									Nguyên giá		Giá trị còn lại	HĐ sự nghiệp		HĐ khác	
									Nguồn ngân sách cấp	Nguồn khác		Kinh doanh	Không KD		
49	Ghế ngồi bằng Da Giám đốc (Hoà Phát)	1			MS 00023	2015	2015	2015	5.000.000		3.750.000		X		3.750.000
50	Nệm Kim đan	1			MXQ102	2009	2009	2009	8.000.000		1.600.000		X		1.600.000
51	Máy điều hoà nhiệt độ Electrolux	1			MXQ16	2014	2014	2014	8.750.000		5.468.750		X		5.468.750
52	Bộ Âmly Gunimmes	1			MXQ24	2014	2014	2014	7.000.000		2.200.000		X		2.200.000
53	Cặp loa 3 tắc chuyên dụng Peavey	1			MXQ25	2014	2014	2014	6.500.000		2.600.000		X		2.600.000
54	Máy giặt SanYo U125	1			MXQ27	2014	2014	2014	10.600.000		4.240.000		X		4.240.000
55	Bồn nước INox 1.500 lit	1			MXQ28	2014	2014	2014	6.200.000		3.875.000		X		3.875.000
56	Máy lọc nước Huyndai M800 (8 lõi)	1			MS 00029	2015	2015	2015	6.800.000		4.080.000		X		4.080.000
57	Máy điều hòa Mitsubisshi 1 Hp	1			MS 00033	2016	2016	2016	10.800.000		9.450.000		X		9.450.000
58	Máy lọc nước EUROPURA CITI – 06-UV	1			MS 00036	2017	2017	2017	8.300.000		8.300.000		X		8.300.000
59	Bình năng lượng 180 lit MegaSun	1			MS 00037	2017	2017	2017	6.100.000		6.100.000		X		6.100.000
60	Bình năng lượng 180 lit MegaSun	1			MS 00038	2017	2017	2017	6.100.000		6.100.000		X		6.100.000
61	Phần mềm Kế toán MISA	1			MXQ105	2008	2008	2008	18.240.000		18.240.000		X		18.240.000
62	Phần mềm quản lý công sản	1			MXQ20	2014	2014	2014	8.900.000		8.900.000		X		8.900.000
63	Nâng cấp phần mềm Mimosa.NET 2014	1			MXQ31	2014	2014	2014	5.000.000		5.000.000		X		5.000.000

4/6/20